

Số: 05 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam ngày 17/7/2023, Văn bản số 02/SL-GPMT ngày 29/8/2023 của Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 208/TTr-TNMT ngày 30 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng A6 (nhà xưởng kí hiệu là A6-1), Lô 6, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng A6 (nhà xưởng kí hiệu là A6-1), Lô 6, Khu Công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0801388779 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2130126480 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 27/12/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 28/6/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801388779.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

+ Sản xuất sản phẩm từ plastic (*chi tiết: Sản xuất gel dẫn nhiệt, tấm silicone dẫn nhiệt*).

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (*không thành lập cơ sở bán buôn*) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.912,5 m².

- Công suất của dự án:

+ Gel dẫn nhiệt: PK404DM (20 tấn/năm); TPS586 (65 tấn/năm); S-putty2 (3,6 tấn/năm).

+ Tấm silicone dẫn nhiệt: Thermal pad 12 W/m.K (64.000 cái/năm); Thermal pad 4W/m.K (10.000 cái/năm).

+ Doanh thu từ thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (*không thành lập cơ sở bán buôn*) theo quy định của pháp luật Việt Nam: 1.000.000 đô la Mỹ/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Cẩm Giàng.

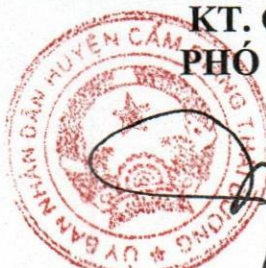
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: đến ngày 27/12/2027, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cấp phép và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam;
- BQL các KCN Hải Dương;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên & Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt phát sinh tại Dự án được thu gom và xử lý sơ bộ, dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, mà không xả trực tiếp ra môi trường).

Công ty TNHH kỹ thuật Shiu Li Việt Nam đã ký Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án với Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2, (đơn vị cho thuê nhà xưởng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày.đêm).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của Công ty được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 8,874 m³ ≈ 8,9 m³ (kích thước: 2,9x1,8x1,7m) để xử lý sơ bộ. Sau đó theo đường ống HDPE với kích thước khác nhau HDPE D200, HDPE D300 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180m³/ngđ của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 thuộc Lô 6 để xử lý theo quy định.

- Đối với nước làm mát:

Nước làm mát thiết bị được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt của dự án từ khu nhà vệ sinh của Công ty được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 8,9 m³ để xử lý sơ bộ. Sau đó theo đường ống HDPE với kích thước khác nhau D200,

D300 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180m³/ngđ của Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 thuộc Lô 6.

- Thông số kỹ thuật: 01 Bể phốt 3 ngăn, có thể tích 8,9 m³ (kích thước: 2,9x1,8x1,7m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống làm mát và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm đối với nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV phát triển công nghiệp BW Hải Dương - Dự án 2 (đơn vị cho thuê nhà xưởng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày đêm).

3.2. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng 1 năm/lần đến hút, vận chuyển và xử lý bùn bể tự hoại.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực in sấy nguyên liệu

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng số 01: Tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực sấy nguyên liệu

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 01 điểm xả thải

Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30, múi chiều

3⁰) là :

Vị trí điểm xả	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	2315645	569842

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải lớn nhất của dòng thải là: 8.000 m³/giờ

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* xả thải gián đoạn 16/24 giờ (theo giờ làm việc).

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí* Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm ³	30		
3	Cyclohexanol	mg/Nm ³	410		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải từ quá trình hoạt động của máy sấy theo các đường ống dẫn khí được hút vào 02 thiết bị xử lý nhờ 02 quạt hút. Tại từng thiết bị xử lý, dòng khí đi vào tiếp xúc với ngăn chứa nước sạch. Sự tiếp xúc pha giữa pha lỏng và pha khí tạo điều kiện tách bụi trong dòng khí thải. Sau đó, dòng khí tiếp tục đi qua 02 tấm lọc than hoạt tính để hấp phụ các chất hữu cơ và vô cơ còn lại. Khí sạch sau xử lý đi theo các ống dẫn khí được dẫn chung vào 01 ống thải và thải ra môi trường nhờ các motor đẩy

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Hệ thống xử lý khí thải khu vực sấy

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Đường ống thu gom → Quạt hút → hấp thụ qua nước → hấp phụ than hoạt tính 1 → hấp phụ than hoạt tính 2 → Đường ống thu gom → Ống thải

- Công suất thiết kế: 8.000m³/h

- Thông số kỹ thuật:

+ Đường ống thu gom trực tiếp có kích thước Ø 100 và Ø 90 mm, vật liệu tôn mạ kẽm và nhôm nhún.

+ Quạt hút: 2 cái (tổng lưu lượng: 8.000 m³/h)

+ Quạt đẩy: 2 cái (tổng lưu lượng: 8.000 m³/h)

+ Đường ống thoát khí có kích thước: Ø150 mm, vật liệu chế tạo là nhôm nhún

+ Ống thải (dùng chung cho 2 hệ thống xử lý khí thải) có kích thước Ø300 mm, vật liệu là tôn mạ kẽm, gồm nắp đậy chống mưa phần đỉnh ống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, nước sạch.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (tầm lọc than hoạt tính, quạt...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp ứng phó:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị trục trặc, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trục trặc thiết bị.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý khí thải cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 vị trí : tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí từ quá trình sấy nguyên liệu

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung quy định tại Phần A Phụ lục này

2.2.2. Tần suất lấy mẫu: Giai đoạn vận hành thử nghiệm lấy 03 ngày liên tiếp với tần suất 1 ngày/lần.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về UBND huyện Cẩm Giàng, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về UBND huyện Cẩm Giàng, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực máy trộn của dự án
- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực máy cắt của dự án

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°) : X (m) = 2315658; Y (m) = 569896
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°) : X (m) = 2315604; Y (m) = 569911

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: xây dựng bộ máy cho mỗi loại máy, cân

bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,...

- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (túi lọc bụi, tấm lọc bụi thô, tấm lọc than hoạt tính), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	350	18 02 01
3	Bao bì kim loại cứng, bao bì nhựa cứng, bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	520	18 01 01 18 01 02 18 01 03
4	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại	Rắn	5	02 08 01
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (có thành phần nguy hại)	Rắn	30	19 02 06
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	60	16 01 12 19 06 05
8	Nước thải từ quá trình xử lý khí và các loại nước thải khác	Lỏng	160	12 01 02
	Tổng		1.335	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	300
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	100
3	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	156
	Tổng		556

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Rác thải sinh hoạt chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ hộp sữa, vỏ bánh, giấy ... dự báo phát sinh khoảng 8,37 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa chuyên dụng loại 60 - 220 lít/thùng, bên ngoài dán nhãn phân loại và cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà xưởng:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho diện tích 5 m².

- Khu vực chứa CTNH được ngăn cách với các khu vực khác trong kho chứa chất thải chung bằng vách ngăn chữa cháy. Bên ngoài khu vực chứa CTNH được dán các biển dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa bằng nhựa loại 200 lít/thùng, chất thải được thu gom, tập kết về khu vực chứa CTR thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà xưởng:

- Diện tích: 15 m².

- Khu vực chứa CTR thông thường được ngăn cách với các khu vực khác trong kho chứa chất thải chung bằng vách ngăn chữa cháy;

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ

môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy loại 20 - 100 lít/thùng được bố trí ở khu vực văn phòng, chủ yếu là giấy vụn, giấy, ấn phẩm văn phòng in lỗi.

- Rác thải sinh hoạt được lưu giữ tạm thời ở khu văn phòng, cuối ca làm việc mỗi ngày, cán bộ công nhân viên sẽ đưa về thùng rác trên sân nội bộ của BW để đơn vị thu gom vận chuyển đi trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 05 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./